

Khu vực mậu dịch tự do Asean - Trung Quốc (ACFTA) - Cơ hội và thách thức mới đối với Việt Nam

PGS. TS. Vũ Thị Bạch Tuyết

Ngày 1/1/2010, Hiệp định Thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc (China-ASEAN Free Trade Area - CAFTA) chính thức có hiệu lực. CAFTA là khu vực thương mại tự do có qui mô lớn trên thế giới. Tham gia CAFTA sẽ mang đến cho các doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam cả cơ hội và thách thức.

Vài nét về CAFTA

Ý tưởng thành lập một khối thương mại tự do được đưa ra sau khủng hoảng tài chính Châu Á cuối những năm 90 của thế kỷ XX. Năm 2001, lãnh đạo ASEAN và Trung Quốc đã thông qua đề xuất thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (CAFTA) trong vòng 10 năm. Năm 2002, Hiệp định khung về hợp tác kinh tế ASEAN - Trung Quốc được hình thành. Năm 2003, bắt đầu các vòng đàm phán CAFTA. Năm 2004, CAFTA bắt đầu có hiệu lực. Tiếp đó, Hiệp định về Thương mại hàng hóa (2005), Hiệp định về Thương mại dịch vụ (2006), Hiệp định về Đầu tư (2009) lần lượt được ký kết hình thành ba trụ cột hợp tác trong CAFTA.

Đứng trên góc độ kinh tế thế giới, với gần hai tỉ người, CAFTA sẽ là thị trường có qui mô lớn nhất thế giới gồm 11 nước đang phát triển. Nếu tính theo GDP, với 2.000 tỉ USD, khu vực thương mại tự do này còn kém khu vực thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA), nhưng CAFTA lại bao gồm các nền kinh tế được coi là đầy tiềm năng và đang hướng tới thiết

lập vị thế mới của mình trong nền kinh tế thế giới.

Đứng trên góc độ nội bộ CAFTA, liên tục từ năm 1992, ASEAN là bạn hàng lớn thứ năm của Trung Quốc. Kim ngạch thương mại hai khối đạt tốc độ tăng trưởng trung bình trên 20% mỗi năm. Nếu năm 1991 tổng kim ngạch thương mại hai chiều ASEAN - Trung Quốc mới là 6,3 tỉ USD; năm 2003 (thời điểm trước khi thực hiện Chương trình Thu hoạch sớm) là 78,2 tỉ USD, thì năm 2008 đã đạt trên 231 tỉ USD. Trong bối cảnh suy thoái kinh tế, trao đổi thương mại giữa hai bên đã giảm 13,2% so với cùng kỳ năm 2008, song vẫn nhỏ hơn so với mức giảm trong buôn bán giữa Trung Quốc với EU, Hoa Kỳ và Nhật Bản.

Thị trường đầu tư giữa ASEAN - Trung Quốc cũng tăng lên đáng kể trong những năm gần đây. Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào các nước ASEAN tăng từ 230 triệu USD năm 2003 lên 2,18 tỉ USD năm 2008. Đầu tư của các nước ASEAN vào Trung Quốc năm 2003 là 2,93 tỉ USD, năm 2008 là 5,46 tỉ USD.

Đứng trên góc độ kinh tế Việt Nam, cả ASEAN và Trung

Quốc đều là đối tác thương mại hàng đầu. Tổng giá trị thương mại với các nước này chiếm tới 35% tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam với thế giới. Theo qui định, đến năm 2015, Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar mới phải thực hiện nghĩa vụ đầy đủ CAFTA. Tuy nhiên, những cơ hội và thách thức đang dần bộc lộ đối với quá trình phát triển kinh tế Việt Nam ở cả hiện tại và tương lai.

Cơ hội từ CAFTA

Trung Quốc và các nước ASEAN có lợi thế về địa lý trong hợp tác kinh tế, CAFTA sẽ tạo thêm đà cho hợp tác toàn diện giữa các thành viên do tác động từ các Hiệp định với cam kết giảm và tiến tới xóa bỏ các rào cản trong thương mại, trong đầu tư. Cho đến nay, cả Trung Quốc và ASEAN đều là những nền kinh tế hướng ngoại, việc thành lập CAFTA sẽ giúp cho hai nhóm nước bớt phụ thuộc vào thị trường bên ngoài. Chúng ta tin tưởng CAFTA sẽ là động lực thúc đẩy hợp tác kinh tế khu vực, càng tạo thêm tính năng động cho một khu vực mới nổi của nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, do sự khác nhau về

tiềm lực kinh tế, về năng lực điều hành vĩ mô, mỗi thành viên trong liên kết sẽ tận dụng được cơ hội với mức độ khác nhau cho sự phát triển riêng của kinh tế nước mình.

Trong ba Hiệp định đã ký kết, những cơ hội rõ rệt nhất đối với Việt Nam liên quan tới Hiệp định Thương mại hàng hóa (TIG), do hạn chế về năng lực xuất khẩu dịch vụ và đầu tư ra nước ngoài nên trước mắt cơ hội mang lại từ hai Hiệp định kia không đáng kể.

Tham gia CAFTA, Việt Nam có thêm nhiều cơ hội tiếp cận với thị trường đông dân nhất thế giới và có những tập quán thương mại tương đồng. Từ 1/1/2010 Trung Quốc đã hoàn thành việc loại bỏ thuế quan với trên 90% danh mục hàng hóa nhập khẩu từ ASEAN (ngoại trừ một số ít mặt hàng nhạy cảm). Như vậy, giai đoạn từ nay đến năm 2015 là cơ hội

đến năm 2015.

Nông sản và thủy sản là các mặt hàng xuất khẩu thế mạnh của Việt Nam, chiếm khoảng 28% tổng kim ngạch xuất khẩu. Từ năm 2004, nông thủy sản xuất khẩu của Việt Nam bắt đầu được hưởng lợi từ chương trình thu hoạch sớm. Năm 2006, toàn bộ hàng nông thủy sản xuất khẩu của Việt Nam vào Trung Quốc và ASEAN đã được hưởng thuế suất 0%.

Trên thực tế, việc được hay mất từ CAFTA tùy thuộc vào khả năng thâm nhập thị trường của từng nước và từng doanh nghiệp. Nếu nước nào, doanh nghiệp nào có chiến lược chuẩn bị chu đáo theo các ràng buộc của cam kết trong tiến trình hội nhập, thì nước đó và doanh nghiệp đó sẽ dễ dàng vượt qua thách thức để tận dụng được nhiều cơ hội cho phát triển, và ngược lại.

quan hệ kinh tế đã có những ràng buộc nhất định cho mở cửa thị trường thương mại và đầu tư, chủ thể kinh tế nào yếu (trên mọi phương diện) sẽ ít tận dụng được cơ hội, thậm chí lấn át bởi những thách thức lớn phải vượt qua, kết quả chung sẽ là "lợi ít, hại nhiều", những biểu hiện đó đang có nguy cơ bộc lộ ở Việt Nam.

Kể từ bước đi đầu tiên của CAFTA được khởi động, từ năm 2004 nhập siêu giữa Việt Nam với Trung Quốc ngày càng gia tăng. Bảng tính lý trọng nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc sau đây cho thấy ai đã được hưởng lợi nhiều hơn khi các rào cản thương mại dần được xóa bỏ.

Cần tìm hiểu nguyên nhân nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc gia tăng nhanh trong những năm gần đây:

- Về xuất khẩu: cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam

Tỷ trọng nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc giai đoạn 2006 - 2009

Đơn vị: Tỷ USD

Năm	Nhập siêu từ Trung Quốc	Tốc độ tăng (%)	Tổng nhập siêu cả nước	Tỷ trọng (%)
2006	4,360	54,7	5,370	81,1
2007	9,145	109,7	14,000	65,3
2008	11,116	21,5	18,028	61,6
2009	16.100	2,80	12,200	131,9

(Nguồn: Tổng hợp từ Hải quan Việt Nam và Tổng cục thống kê)

cho hàng xuất khẩu của Việt Nam, vì hàng xuất khẩu của Việt Nam không phải chịu hàng rào thuế quan, trong khi chúng ta vẫn còn được phép duy trì mức độ bảo hộ nhất định cho thị trường trong nước

Thách thức từ CAFTA

CAFTA sẽ không làm thay đổi đột ngột quan hệ thương mại và đầu tư giữa Việt Nam với ASEAN và Trung Quốc. Về lâu dài, trong mỗi

phần lớn tương đồng với hàng Trung Quốc, trong đó sức cạnh tranh về qui mô, chất lượng và giá lại kém so với hàng Trung Quốc. Nhóm hàng nguyên liệu, như dầu thô, than đá, cao su là nhóm mặt hàng chủ lực

xuất khẩu sang Trung Quốc (chiếm 55% tổng kim ngạch) giảm đáng kể do yêu cầu hạn chế xuất thô của Việt Nam, thậm chí nguồn tài nguyên này cũng không còn dồi dào nữa. Nhóm hàng nông sản ít có bản sắc riêng, khó thâm nhập vào khu vực thị trường tiêu thụ cao cấp. Trong khi tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng như linh kiện điện tử, máy móc, thiết bị điện hay cơ khí của Philippines vào Trung Quốc là 88,7%; của Malaysia là 70%; của Thái Lan là 52,5%; thì của Việt Nam chỉ có 8,7%. Do vậy bài toán giảm nhập siêu vẫn còn khá nan giải với Việt Nam nếu như không có những biện pháp mang tính đột phá.

- Về nhập khẩu: Theo lộ trình miễn giảm thuế, hàng Trung Quốc đang có cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu với giá rẻ hơn các đối tác khác. Trong nhóm các mặt hàng cần thiết nhập khẩu để phục vụ cho sản xuất, hàng Trung Quốc chiếm tới 67,08%. Mặt khác, Trung Quốc hiện là nhà thầu nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam (Theo Bộ Công thương, tính riêng năm 2008. Trung Quốc ký được hơn 1600 hợp đồng, trị giá khoảng hơn 3 tỉ USD). nên việc nhập khẩu thiết bị từ Trung Quốc sẽ tăng.

Điểm khác biệt giữa Việt Nam với các nước thuộc ASEAN 6 là có ít các tập đoàn đa quốc gia lớn đặt mạng lưới công ty tại Việt Nam để bán hàng cho khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, nên việc tăng các mặt hàng xuất khẩu

từ Việt Nam chưa có tính khả thi.

Từ nay đến năm 2015 không còn là dài đối với sản xuất và xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trước sức ép cạnh tranh mạnh khi đến thời hạn Việt Nam phải thực hiện mở cửa hoàn toàn với các thành viên thuộc CAFTA. Vì vậy, cần phải có những biện pháp vượt qua thách thức để tận dụng cơ hội từ CAFTA.

Những biện pháp cần thiết đối với Việt Nam để hội nhập có hiệu quả cùng CAFTA

Một là, chủ động hơn nữa cho tiến trình hội nhập về kinh tế.

Từ khi đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu đáng khâm phục về ngoại giao, nền kinh tế có sự khởi sắc, đã nâng dần vị thế đất nước trong mối quan hệ chính trị xã hội. Tuy nhiên, nếu đặt kinh tế Việt Nam trước bối cảnh chung của kinh tế thế giới và khu vực với mong muốn đuổi kịp các nước tiến bộ trong khu vực thì còn thực sự đáng lo ngại. Có thể nhận định chung, Việt Nam đã chủ động hội nhập theo chiều rộng, nhưng chưa có chiều sâu mang tính bền vững.

Từ năm 2013, Việt Nam bắt đầu cắt giảm sâu hàng rào bảo hộ thuế quan để tiến tới loại bỏ thuế quan với khoảng 90% danh mục hàng hóa vào năm 2015. Nghiên cứu kinh nghiệm Trung Quốc chứng tỏ họ đã chủ động cho tiến trình hội nhập, họ đã có sự thay

đổi rất lớn về cơ cấu kinh tế, luật lệ, nhân lực trước khi gia nhập WTO; Khi đã có lợi thế, họ thúc đẩy nhanh tiến trình thực hiện CAFTA. Trong khi đó, các thay đổi này ở Việt Nam còn rất chậm, dường như chúng ta đang ở thế thụ động trong quan hệ kinh tế thương mại với WTO nói chung, với CAFTA nói riêng. Nếu so sánh với các nước ASEAN cơ cấu xuất khẩu còn rất lạc hậu: GDP chưa đạt mức trung bình; dòng vốn đầu tư nước ngoài chưa được hút mạnh vào việc tạo ra hàng xuất khẩu mang bản sắc đặc trưng từ thị trường Việt Nam và có lợi thế cạnh tranh cao.

Với những nhận định đó, chúng ta cần có sự đầu tư nghiên cứu và dự báo thị trường thế giới, trên cơ sở đó xây dựng chiến lược kinh tế toàn diện đến năm 2015 (hội nhập đầy đủ với CAFTA), 2020 (hội nhập đầy đủ với APEC). Kiên quyết chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng chiến lược đã xác định; đổi mới hệ thống luật pháp và sử dụng nguồn nhân lực để khắc phục những tồn đọng bấy lâu nay trong hoạt động kinh tế.

Trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng nên chủ động tham gia vào chuỗi sản xuất của các công ty đa quốc gia ngay tại Việt Nam để tăng tính cạnh tranh của hàng xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu. Mở rộng quan hệ với các đối tác cũ, tìm kiếm đối tác mới tại các tỉnh khác thuộc Trung Quốc tạo thêm cơ hội

xuất khẩu hàng hóa sang thị trường nước bạn.

Hai là, tận dụng thời hạn ngắn ngủi chưa phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với CAFTA để “nâng cao sức khỏe” cho các doanh nghiệp và hàng hóa Việt Nam.

Chúng ta phải nhanh chóng thoát khỏi ảnh hưởng xấu từ khủng hoảng kinh tế thế giới. Thông qua các chính sách kinh tế vĩ mô tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực, đặc biệt khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư theo chiều sâu, nâng cấp công nghệ để tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại của các đối tác nước bạn. Phấn đấu sản phẩm xuất khẩu có hàm lượng giá trị gia tăng cao. Muốn vậy, cần tạo thuận lợi cho thị trường vốn, linh hoạt hơn trong điều hành chính sách tiền tệ; Hạn chế lạm phát và ổn định tiền nội tệ, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư trên thị trường Việt Nam. Một khi các loại thị trường, như thị trường vốn nói riêng, thị trường các yếu tố đầu vào nói chung được điều hành một cách linh hoạt sẽ giảm chi phí sản xuất sản phẩm, giúp giảm giá và nâng cao khả năng cạnh tranh với sản phẩm cùng loại.

Kiên quyết đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, loại bỏ tiêu cực, tạo cơ hội cho sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao

xây dựng một chính sách kinh tế phù hợp với điều kiện kinh tế mới. Chính sách kinh tế đó phải là đòn bẩy kích thích con người tham gia vào quá trình phát triển chung của đất nước, để hoạt động kinh tế của Việt Nam trở thành bộ phận không thể thiếu trong mạng lưới kinh tế CAFTA.

Ba là, tích cực chuẩn bị đối phó với những thách thức của quá trình hội nhập với CAFTA.

Sự lấn át của những nước lớn với nước nhỏ trong quá trình hội nhập kinh tế là hiện tượng thường thấy trong giai đoạn đầu hội nhập, nhưng nếu có bước đi khôn ngoan thì nước nhỏ có thể rút ngắn thời điểm bất lợi, tận dụng những ưu đãi cho nước nhỏ để nhanh chóng vượt qua thách thức.

Trong các rào cản thương mại chỉ có duy nhất rào cản mang tính kỹ thuật khi sử dụng nó để kiểm soát hàng hóa đối tác sẽ không gặp phải phản ứng từ phía bên kia, vì mục đích của rào cản này là để bảo vệ lợi ích người sử dụng, bảo vệ môi trường sống và lợi ích quốc gia. Mặt khác, việc tuân thủ các tiêu chuẩn mang tính kỹ thuật đòi hỏi nhà sản xuất phải nâng cao chất lượng sản phẩm, hướng quá trình sản xuất không chỉ đơn thuần vì lợi nhuận, mà còn phải vì sự sống chung của xã hội loài người.

Những năm gần đây, trong quan hệ thương mại với các nước, hàng hóa xuất khẩu của

Việt Nam đã phải đối mặt với nhóm rào cản kỹ thuật ngày càng khắt khe của đối tác. Đơn giản là để có được giấy chứng nhận xuất xứ CAFTA (sản phẩm có nguồn gốc từ Việt Nam) phải kê khai từ nơi nuôi trồng, đến các điều kiện kiểm dịch, điều kiện sản xuất thì mới được hưởng miễn giảm thuế trong CAFTA. Phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu này nên chưa tận dụng được cơ hội do CAFTA mang lại. Trong khi đó, vì các lý do cơ sở hạ tầng cũng như hệ thống pháp luật và nguồn nhân lực có liên quan, chúng ta chưa sử dụng được nhiều nhóm rào cản này để kiểm soát hàng nhập khẩu, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến nhập khẩu gia tăng nhanh.

Muốn sử dụng rào cản kỹ thuật Việt Nam cần có sự đầu tư cơ sở hạ tầng, hoàn thiện hệ thống luật có liên quan và đào tạo nguồn nhân lực. Khi các rào cản khác dần được xóa bỏ theo cam kết từ CAFTA, chúng ta cũng sẽ tăng dần các rào cản mang tính kỹ thuật để bảo vệ lợi ích quốc gia, doanh nghiệp và người tiêu dùng trong nước.

CAFTA sẽ mang lại cho Việt Nam cả cơ hội và thách thức, nếu chủ động hội nhập giúp Việt Nam đạt tới các mục tiêu như mong muốn, cơ hội và lợi ích sẽ rất lớn; Ngược lại, nếu tham gia CAFTA trong thế bị động sẽ có không ít bất lợi, chúng ta sẽ khó đạt tới mục tiêu đã định./.